

UBND TỈNH KON TUM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDĐT-KHTC

Kon Tum, ngày tháng năm

V/v hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thu, quản lý, sử dụng, miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025

Kính gửi:

- Phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố;
- Các cơ sở giáo dục, đào tạo trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành Quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi tắt là *Nghị định 81/2021/NĐ-CP*); Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ ban hành quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (sau đây gọi tắt là *Nghị định 97/2023/NĐ-CP*);

Căn cứ Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết 33/2024/NQ-HĐND*);

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2553/UBND-KGVX ngày 18 tháng 7 năm 2024 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh; sau khi trao đổi, lấy ý kiến với Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thu, quản lý, sử dụng, miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum, cụ thể như sau:

1. Về thu học phí

a) Mức thu học phí năm học 2024-2025 đối với các cơ sở giáo dục công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên:

- Các cơ sở giáo dục (CSGD) mầm non, phổ thông công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên thu học phí theo mức học phí quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết 33/2024/NQ-HĐND.

- Các CSGD thường xuyên, các trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông được áp dụng mức học phí tương đương với mức học phí của cơ sở giáo dục phổ thông công lập

cùng cấp học trên địa bàn (theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định 81/2021/NĐ-CP).

- Thời gian thu học phí: thực hiện theo Khoản 1 Điều 12 Nghị định 81/2021/NĐ-CP: “**Học phí được thu định kỳ hàng tháng; nếu người học tự nguyện, nhà trường có thể thu một lần cho cả học kỳ hoặc cả năm học..**”.

Lưu ý: Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 9 Nghị định 81/2021/NĐ-CP, khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND đã quy định mức học phí cụ thể **đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông** công lập chưa tự đảm bảo chi thường xuyên, do đó các CSGD công lập thực hiện **thu học phí theo địa bàn cơ sở giáo dục đóng chân** (Vùng 1/Vùng 2/Vùng 3 quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND).

b) Mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập

Thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP, các CSGD ngoài công lập được quyền chủ động xây dựng mức thu học phí và giá các dịch vụ khác trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo (trừ dịch vụ do Nhà nước định giá) đảm bảo bù đắp chi phí và có tích lũy hợp lý, có trách nhiệm công khai, giải trình với người học và xã hội về mức thu học phí, giá các dịch vụ do mình quyết định; Có trách nhiệm thuyết minh chi phí giáo dục, đào tạo bình quân một học sinh, mức thu học phí hàng năm, mức thu học phí toàn cấp học đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; thuyết minh lộ trình và tỷ lệ tăng học phí các năm tiếp theo và thực hiện công khai theo quy định của pháp luật và giải trình với người học, xã hội.

c) Chứng từ thu học phí: Thực hiện theo Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.

d) Về thu học phí không dùng tiền mặt: Các CSGD tiếp tục thực hiện chủ trương của Chính phủ về thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; Công văn số 970/UBND-KGVX ngày 07/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc đẩy mạnh chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ sở y tế; Công văn số 2109/SGDĐT-KHTC ngày 18/10/2022 của Sở GDĐT về việc đẩy mạnh triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong các cơ sở giáo dục. Tiếp tục tăng cường giao dịch không dùng tiền mặt theo Kế hoạch số 4627/KH-UBND ngày 29/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chuyển đổi số tỉnh Kon Tum năm 2024 và Kế hoạch số 19/KH-SGDĐT ngày 22/02/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh Kon Tum năm 2024, với mục tiêu trong năm 2024 các cơ sở giáo dục thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt đạt tối thiểu 70%. Nhà trường có trách nhiệm giao nhiệm vụ cho bộ phận vị trí việc làm chuyên môn dùng chung thực hiện thu học phí; giao giáo viên chủ nhiệm hỗ trợ các thông tin, không giao giáo viên chủ nhiệm thu học phí và các khoản thu dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục.

2. Về xác định đối tượng được miễn, giảm học phí; đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

a) Đối tượng được miễn học phí: thực hiện theo Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP và điểm e khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09/7/2021 của HĐND tỉnh thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*miễn học phí đối với học sinh DTTS học hệ giáo dục thường xuyên*).

Lưu ý: so với năm học trước, từ năm học 2024-2025 có thêm đối tượng được miễn học phí tại khoản 6 Điều 15 Nghị định 81/2021/NĐ-CP: “*Trẻ em mầm non 05 tuổi không thuộc đối tượng quy định tại khoản 5 Điều này được miễn học phí từ năm học 2024 - 2025 (được hưởng từ ngày 01 tháng 9 năm 2024)*”.

b) Đối tượng được giảm học phí: thực hiện theo khoản 1, khoản 2 Điều 16 Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

c) Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: thực hiện theo Điều 18 Nghị định 81/2021/NĐ-CP. Mức hỗ trợ là 150.000 đồng/tháng theo khoản 10 Điều 20 Nghị định 81/2021/NĐ-CP.

d) Khi xác định đối tượng được miễn, giảm học phí và đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập, ngoài các văn bản được dẫn chiếu theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP, cập nhật áp dụng thêm các văn bản sau:

- Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách các thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

- Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*miễn học phí đối với học sinh DTTS học hệ giáo dục thường xuyên*).

- Công văn số 59/UBND-CSĐT ngày 12 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn việc thực hiện chính sách ở thôn ĐBKK thuộc xã khu vực III, khu vực II khi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Về nguồn kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí

a) Kinh phí cấp bù miễn, giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ được Trung ương bố trí hàng năm theo

quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ¹.

b) Kinh phí cấp bù miễn học phí đối với học sinh DTTS học hệ giáo dục thường xuyên theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2021 của HĐND tỉnh thông qua Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đối với học sinh dân tộc thiểu số tính đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: ngân sách cấp tỉnh, cấp huyện đảm bảo theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Lưu ý: Khi lập dự toán, phân bổ, quyết toán kinh phí cấp bù miễn học phí cần tránh trùng lặp đối tượng.

4. Về quản lý và sử dụng học phí và các nguồn kinh phí cấp bù

Các CSGD quản lý, sử dụng học phí (bao gồm cả các nguồn kinh phí cấp bù cho đối tượng được miễn, giảm) theo Điều 13 Nghị định 81/2021/NĐ-CP. Lưu ý một số điểm:

- Cơ sở giáo dục công lập có trách nhiệm mở tài khoản giao dịch về học phí tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để quản lý, sử dụng học phí. Trong trường hợp phát sinh khoản thu học phí bằng tiền mặt thì định kỳ, đơn vị phải làm thủ tục chuyển (nộp) toàn bộ học phí đã thu bằng tiền mặt còn dư tại quỹ vào tài khoản của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng thương mại để quản lý theo quy định.

- Các CSGD công lập quy định nội dung chi học phí và các nguồn kinh phí cấp bù cho đối tượng được miễn giảm học phí trong quy chế chi tiêu nội bộ, trong đó trích tối thiểu 40% tổng nguồn (thu học phí và kinh phí được cấp bù) để thực hiện cải cách tiền lương theo quy định hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính hàng năm về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước.

5. Thực hiện quy định công khai

Các CSGD thực hiện công khai khoản thu học phí và các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo quy định tại Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính về hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán, ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và các văn bản liên quan khác.

Các văn bản được dẫn chiếu trong hướng dẫn này được đăng tải trên website của Sở Giáo dục và Đào tạo.

¹ Về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022.

Trên đây là hướng dẫn thực hiện một số nội dung về thu, quản lý, sử dụng, miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập năm học 2024-2025. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ sở giáo dục đào tạo phản ánh kịp thời về Sở Giáo dục và Đào tạo để phối hợp cùng Sở Tài chính, Sở Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi (t/h);
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban KTNS HĐND tỉnh (b/c) ;
- Sở TC; Sở LĐTBXH (p/h);
- Huyện ủy, Thành ủy, UBND huyện, TP (p/h);
- KBNN tỉnh, các huyện (p/h);
- Cục Thuế; các Chi cục thuế huyện, TP (p/h);
- Phòng TC-KH các huyện, TP (p/h);
- Phòng Lao động-TBXH huyện, TP (p/h);
- Giám đốc, các PGĐ Sở GDĐT (t/d) ;
- Website Sở GDĐT (đăng tải);
- Lưu VT, KHTC_{DTA}.

GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Trung